

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN SƠN
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số:10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2024
V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN SƠN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phần và ông Đinh Công Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hải Long –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Thực- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:14/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm D, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Bị đơn: Anh **Trần T1**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm D, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 19/8/2009, chị Nguyễn Thị T với anh Trần T1 đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề

ngợi Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, cho chị xin được ly hôn với anh Trần T1.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung cháu Trần Đ, sinh ngày 14/10/2009 và cháu Trần Linh A, sinh ngày 17/11/2014. Khi ly hôn nguyện vọng của các cháu ở với Mẹ nên khi ly hôn chị nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía Bị đơn anh Trần T1 vắng mặt: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh T1 vắng mặt. Để giải quyết vụ án, ngày 05/4/2024 Tòa án cùng với đại diện UBND xã đến nhà M để anh Trần T1 là bà Xa Thị K để tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, giữa chị anh T1, chị T. Tại biên bản xác minh và biên bản làm việc với mẹ đẻ anh Trần T1 là bà Xa Thị K để giao thông báo thụ lý vụ án nhưng bà K từ chối nhận các văn bản nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản Tố tụng tại trụ sở UBND xã nơi anh T1 cư trú cụ thể như sau:

- Ngày 05/4/2024 niêm yết thông báo Thụ lý vụ án số:14/TB-TLVA ngày 18/3/2024.

- Ngày 08/5/2024 niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/TB-TLVA ngày 08/5/2024.

- Ngày 24/5/2024 niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số:14/TB-TLVA ngày 08/5/2024.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị T, anh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh T1 là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

Về con chung: Áp dụng khoản 1,2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Theo nguyện vọng hai cháu Trần Đ, sinh ngày 14/10/2009 và cháu Trần Linh A, sinh ngày 17/11/2014. Khi ly hôn nguyện vọng của các cháu ở với Mẹ nên chị T nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hơn nữa anh T1 không có mặt tại địa phương nên giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Do nguyên đơn không yêu cầu và Bị đơn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về án phí dân sự: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ cho chị được ly hôn với anh Trần T1, căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về việc vắng mặt Bị đơn: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn chị T xin được ly hôn anh T2; Bị đơn anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T1, anh T3 trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Năm 2009 hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chị C; anh T4 chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án đã làm rõ hiện vợ chồng anh, chị đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh T2 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị C với anh T4 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống T1, anh T có hai con chung Trần Đ, sinh ngày 14/10/2009 và cháu Trần Linh A, sinh ngày 17/11/2014 nguyện vọng hai cháu được ở cùng Mẹ hơn nữa anh T không có mặt ở nhà nên giao hai con chung cho chị T3 nuôi dưỡng là phù hợp.

[5]. Về cấp dưỡng tiền nuôi con; tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Chị T3 không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T1 vắng mặt chưa có yêu cầu về những vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Sau này chị T, anh T1 có yêu cầu thì anh; chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên, là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 57; khoản 1, 2 Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 57; khoản 1, 2 Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần T1.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng hai con chung Trần Đ, sinh ngày 14/10/2009 và cháu Trần Linh A, sinh ngày 17/11/2014 kể từ tháng 6 năm 2024 đến khi thành niên. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu và anh T1 vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu số 0004535 ngày 15/3/2024.

Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tân Sơn;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Văn Chí

